

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

● LÊ QUANG TUÂN

TÓM TẮT:

Bài viết tổng quan cơ chế, chính sách hiện nay của Việt Nam nhằm phát triển nông nghiệp bền vững (NNBV), phân tích thực trạng phát triển NNBV ở Việt Nam hiện nay, chỉ ra những điểm còn hạn chế. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển NNBV tại Việt Nam giai đoạn tới.

Từ khóa: nông nghiệp bền vững, an ninh lương thực, phát triển bền vững.

1. Cơ chế, chính sách nhằm phát triển nông nghiệp bền vững

Để phát triển NNBV, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, trong đó đặc biệt phải kể tới Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 [2].

Chiến lược mang tính hệ thống, định hướng bao quát, dài hạn và hiện thực hóa định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, trong đó quá trình cơ cấu lại nông nghiệp gắn chặt hơn với xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp - nông thôn bền vững, hiệu quả cao trên cơ sở nền tảng, động lực là khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và thị trường.

Chiến lược khẳng định, nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc; gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Nông nghiệp là lợi thế, nền tảng bền vững của quốc gia. Nông thôn là địa bàn phát triển kinh tế quan

trọng, là không gian chính gắn với tài nguyên thiên nhiên, nền tảng văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước. Nông dân là lực lượng lao động và nguồn tài nguyên con người quan trọng. Phát triển nông nghiệp trên quan điểm hiệu quả, bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường; xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại; phát triển môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Cư dân nông thôn là chủ thể, trung tâm và được hưởng lợi chính từ thành quả của các hoạt động phát triển nông thôn. Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên cơ sở đó, Chiến lược đề ra mục tiêu tổng quát tập trung vào “Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đồng thời phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực và trên thế giới, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, góp phần quan

trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính...". Đặc biệt, với tầm nhìn đến 2050, nền nông nghiệp Việt Nam phấn đấu sẽ là một trong những nền nông nghiệp hàng đầu thế giới. Chiến lược cũng xác định các mục tiêu cụ thể đến năm 2030 về tăng trưởng, xuất khẩu, thu nhập người dân nông thôn, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao,... để làm cơ sở đề ra các định hướng, giải pháp cụ thể, đồng bộ và đột phá cho từng lĩnh vực.

Chiến lược cũng đặt ra các mục tiêu các cụ thể đến năm 2030 như: Tốc độ tăng trưởng GDP nông, lâm, thủy sản đạt bình quân từ 2,5 - 3%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm, thủy sản đạt bình quân từ 5,5 - 6%/năm; mở rộng và phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu; tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt bình quân từ 5 - 6%/năm,...

Với 8 nhóm định hướng và nhiệm vụ chính cần thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030, Chiến lược xác định 11 nhóm giải pháp như sau: (i) Tuyên truyền, giáo dục đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động; (ii) Đổi mới tổ chức sản xuất - kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất; (iii) Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; trình độ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; (iv) Phát triển thị trường trong và ngoài nước đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản; (v) Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng; (vi) Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước; (vii) Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; (viii) Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro; (ix) Hội nhập và hợp tác quốc tế; (x) Xây dựng, hoàn thiện và triển khai một số chính sách đột phá; (xi) Giám sát và đánh giá.

Trên cơ sở cân đối nguồn lực, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các nguồn vốn để triển khai thực hiện Chiến lược được huy động và đa dạng hóa từ các nguồn vốn như nguồn ngân sách nhà nước cấp

hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước chi hành; kinh phí lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030; kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực trạng phát triển nông nghiệp bền vững của Việt Nam

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, những năm qua, tốc độ tăng trưởng khu vực nông nghiệp từ 2,8-3%/năm, là tốc độ cao của thế giới. Đặc biệt, tính đa dạng về sinh thái, thổ nhưỡng, sinh học, đất đai màu mỡ, nguồn nước ngọt dồi dào, nhân lực trẻ khá phong phú, cho phép các hộ nông dân - hạt nhân của hợp tác xã cùng doanh nghiệp sử dụng có hiệu quả hơn 10 triệu héc-ta đất canh tác nông nghiệp và hơn 14 triệu héc-ta rừng để sản xuất được cả 3 nhóm nông sản nhiệt đới, cận nhiệt đới, ôn đới với hàng nghìn giống cây, con, thổ sản quý hiếm [3]. Hàng năm, Việt Nam sản xuất được trên 45 triệu tấn thóc, 5 triệu tấn ngô, 5,8 triệu tấn thịt các loại, 8 triệu tấn thủy sản cả khai thác tự nhiên và nuôi trồng; gần 20 triệu mét khối gỗ rừng trồng; sản lượng cà phê thô đứng thứ hai trên thế giới; hạt tiêu đứng đầu thế giới; cao su đứng thứ sáu trên thế giới; bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, đáp ứng cho nhu cầu của gần 100 triệu dân trong nước và dành phần xuất khẩu đạt trên 45 tỷ USD đến 190 nước trên thế giới. Thành tựu đó đã đưa tỷ lệ nghèo giảm đáng kể, đem đến những cải thiện trong hầu hết các chỉ số về năng suất, vốn và vốn nhân lực.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số được xem là thang thước hiệu quả trong xây dựng nông nghiệp nông thôn bền vững tại Việt Nam. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp đã ứng dụng chuyển đổi số, góp phần phát triển nông nghiệp thông minh, tạo ra các nông sản chất lượng cao. Việc ứng dụng công nghệ tiên tiến đã làm "thay da

đổi thịt" nông nghiệp trong nước. Sử dụng internet đã giúp đơn giản hóa và hợp lý hóa việc thu thập, các khâu kiểm tra, phân phối tổng thể tài nguyên nông nghiệp. Các chương trình, phần mềm quản trị vườn trồng, nông nghiệp chính xác được áp dụng nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên (nước, phân bón,...) để dần chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp hiện đại, tạo ra nhiều cơ hội tăng năng suất lao động, giảm phụ thuộc vào điều kiện môi trường, thời tiết, kiểm soát dịch bệnh và công tác giống được thực hiện tốt hơn. Trong trồng trọt, đã ứng dụng công nghệ internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (BigData) thông qua các sản phẩm công nghệ số như phần mềm cho phép phân tích các dữ liệu về môi trường, loại cây và giai đoạn sinh trưởng của cây. Trong lĩnh vực lâm nghiệp đã dùng công nghệ DND mã vạch trong quản lý giống lâm nghiệp và lâm sản, phần mềm giám sát và phát hiện sớm mất rừng, suy thoái rừng. Trong lĩnh vực chăn nuôi, công nghệ internet kết nối vạn vật, chuỗi blockchain, công nghệ sinh học được áp dụng ở trang trại chăn nuôi quy mô lớn.

Ngoài ra, ngành Nông nghiệp còn dùng phần mềm ứng dụng trên điện thoại thông minh để quản lý việc áp dụng an toàn sinh học, tiêm phòng, thức ăn tại cơ sở chăn nuôi; giúp ngành chức năng quản lý về tình hình tiêm phòng, theo dõi được trang trại bị lây nhiễm dịch bệnh, việc xử lý tiêu hủy gia súc, gia cầm và việc hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh gây ra,... Trong nuôi trồng thủy sản thì ứng dụng công nghệ sinh học chọn lọc, lai tạo các giống có năng suất, chất lượng cao, có khả năng kháng bệnh, chịu đựng tốt với môi trường; công nghệ trí tuệ nhân tạo trong nuôi tôm nhằm phân tích các dữ liệu về chất lượng nước, quản lý thức ăn và sức khỏe của tôm nuôi.

Tuy nhiên, hiện nay, ngành Nông nghiệp Việt Nam đang tồn tại một số vấn đề như sau:

- Ngành Nông nghiệp vẫn phát triển dựa trên đơn ngành; sử dụng nhiều đất đai, chi phí đầu vào thay vì sử dụng yếu tố khoa học công nghệ hay

những mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ.

- Các chính sách kinh tế đã đưa đến nhiều thành công, nhưng đến nay đang dần mất đi động lực khi nông hộ, nền nông nghiệp quy mô nhỏ, lẻ và manh mún đứng trước thách thức thiếu kết nối giữa sản xuất với thị trường và nông dân chưa được đào tạo nghề. Hiện nay, mới chỉ có 8% số doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, trong đó, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm khoảng 92%, đồng nghĩa khó có khả năng chi phối chuỗi giá trị ngành hàng và bất cập trong kết nối cung cầu nông sản. Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp được hưởng các chính sách ưu đãi về sử dụng đất, thuế nhưng thực tế các chính sách này vẫn chậm đi vào cuộc sống. Các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp đã và đang gặp không ít khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn từ ngân hàng và nhiều thủ tục liên quan đến đất đai, vay vốn, xây dựng, môi trường, vẫn còn là những điểm nghẽn làm mất nhiều thời gian.

- Việt Nam có đất nông nghiệp, tài nguyên nước và tài nguyên biển dồi dào với sự đa dạng sinh học phong phú là những lợi thế tự nhiên đã được sử dụng để thúc đẩy tăng trưởng, nhưng những tổn hại về môi trường ước tính ở mức từ 4% đến 8% GDP mỗi năm. Việt Nam đang chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu và thiên tai xảy ra trên cả các vùng kinh tế - xã hội.

- Phần lớn hộ nông dân còn thu nhập thấp, chưa có kỹ năng nghề và chưa thích nghi với thị trường cạnh tranh, nhất là 53 dân tộc thiểu số mới có 6,2% số người lao động từ 15 tuổi trở lên và có 5,9% số người lao động nữ từ 21 tuổi trở lên được đào tạo nghề [1].

- Xã hội nông thôn đang đứng trước xu hướng biến đổi cơ cấu mạnh mẽ (giai cấp, nghề nghiệp, dân số, tộc người, tôn giáo) trên cả mặt tích cực (làm thay đổi căn bản một cách sâu sắc mọi mặt đời sống xã hội của người dân) và tiêu cực (như gia tăng khoảng cách giàu nghèo, sự mất bình đẳng giữa lao động chân tay và lao động trí óc, sự mất cân bằng giữa nam và nữ, sự tụt hậu của cộng

đồng dân tộc thiểu số so với dân tộc đa số ở Việt Nam về trình độ học vấn và các khía cạnh liên quan đến thị trường, sự khác biệt giữa miền xuôi và miền núi, giữa thành thị và nông thôn).

3. Hàm ý chính sách cho Việt Nam để phát triển nông nghiệp bền vững

Để phát triển một nền NNBV ở Việt Nam, theo tác giả, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, phát huy vai trò quản lý nhà nước của Chính phủ đối với nông nghiệp, từ quy hoạch đến xây dựng chiến lược là cơ sở cho phát triển NNBV khi triển khai trên thực tế.

Thứ hai, đưa tiến bộ KH&CN vào sản xuất nông nghiệp và nông thôn, thay đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, cần thực hiện tốt các giải pháp sau: Đổi mới về tổ chức và chính sách huy động lực lượng KH&CN; Tăng cường cơ sở vật chất và đầu tư kinh phí cho KH&CN; Thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia trên cùng một địa bàn để hình thành chương trình tổng hợp; Phát triển nguồn nhân lực KH&CN; Xã hội hóa công tác khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm; Phát triển hệ thống thông tin KH&CN; Mở rộng hợp tác về KH&CN.

Thứ ba, chú trọng việc phát triển mô hình tiêu thụ nông sản ứng dụng công nghệ 4.0 nhằm cắt giảm những chi phí truyền thống, như: phí vận chuyển, phí giao nhận và chi phí hư hao sản phẩm. Kết hợp giữa sàn thương mại điện tử, chuỗi logistics toàn cầu và thành lập trung tâm nông sản

một cửa quốc gia sẽ tạo nên một chuỗi nông sản giá trị cao hiệu quả hơn.

Thứ tư, chú trọng đến vấn đề môi trường, xử lý khá tốt các tác động tiêu cực do công nghiệp hóa, hiện đại hóa cao gây nên, trong đó vấn đề quy hoạch, vấn đề phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được tổng kết và đã thể hiện khá rõ. Ngoài ra, cần chú trọng đến bảo hiểm, chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm; chú ý đến công nghệ giám sát môi trường và nâng cao vai trò chứng nhận quốc tế về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); chú ý đến bảo vệ đất trước sự tác động của các điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và ô nhiễm do hoạt động công nghiệp gây nên,...

Thứ năm, chú trọng đến liên kết và gắn bó các khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; hình thành chuỗi giá trị nông sản. Nhờ đó, sản xuất nông nghiệp không chỉ giải quyết được vấn đề đầu ra, mà còn tạo các điều kiện để tiêu thụ nông sản ổn định, nâng cao giá trị gia tăng của hàng nông sản. Đồng bộ hóa các chính sách, bảo đảm tính liên thông từ sản xuất đến bao tiêu xuất khẩu, giảm rủi ro cho nông dân; mở rộng các quan hệ của kinh tế thị trường thay cho các quan hệ truyền thống; chú trọng liên kết 4 nhà (Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp - Nhà nông) trong phát triển nông nghiệp, chú trọng phát triển các hợp tác xã nông nghiệp. Tất cả những vấn đề đó đều hướng đến mở rộng các quan hệ liên kết, phát triển NNBV ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2010-2021). *Báo cáo tại các hội nghị tổng kết các năm, từ năm 2010 đến năm 2021*.

4. Thào Xuân Sùng (2022). Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo định hướng Đại hội XIII của Đảng. Truy cập tại <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/825096/phat-trien-nong-nghiep%2C-nong-dan%2C-nong-thon-theo-dinh-huong-dai-hoi-xiii-cua-dang.aspx>

5. Song Hà (2022). Phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững. Truy cập tại <http://quocphongthudo.vn/kinh-te/xay-dung-nong-thon-moi/phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-ben-vung.html>

Ngày nhận bài: 3/4/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/5/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 13/5/2022

Thông tin tác giả:

ThS. LÊ QUANG TUÂN

Giảng viên Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

THE CURRENT SUSTAINABLE AGRICULTURAL DEVELOPMENT IN VIETNAM

● Master. **LE QUANG TUAN**

Lecturer, Institute of Management for Agricultural and Rural Development

ABSTRACT:

This paper presents an overview of the current mechanisms and policies of Vietnam on the development of sustainable agriculture, analyzes the current situation of sustainable agricultural development in Vietnam, and points out the limitations. Based on the paper's findings, some solutions are proposed to develop sustainable agriculture in Vietnam in the coming time.

Keywords: sustainable agriculture, food security, sustainable development.